

Bảng so sánh chỉ tiêu tuyển sinh lớp Mười năm 2025 và 2026 tại TPHCM

1. Khu vực 1 - TPHCM Trước đây

Trường	Chỉ tiêu 2026	Chỉ tiêu 2025	Biến động
THPT Phước Kiển	855	480	+375
THPT Nguyễn Văn Tăng	1125	810	+315
THPT Võ Trường Toản	765	450	+315
THPT Hồ Thị Bi	855	540	+315
THPT Thủ Thiêm	810	540	+270
THPT Tân Phong	765	495	+270
THPT Nguyễn An Ninh	900	630	+270
THPT Lê Minh Xuân	900	630	+270
THPT Quang Trung	810	540	+270
THPT Lý Thường Kiệt	765	495	+270
THPT Giồng Ông Tố	675	450	+225
THPT Trung Vương	900	675	+225
THPT Trần Quang Khải	990	765	+225
THPT Trần Văn Giàu	900	675	+225
THPT Thanh Đa	720	495	+225
THPT Đa Phước	720	495	+225
THPT Dương Văn Thị	765	585	+180
THPT Bình Chiểu	900	720	+180
THPT Nguyễn Hữu Huân	835	655	+180
THPT Linh Trung	990	810	+180
THPT Đào Sơn Tây	855	675	+180
THPT Tam Phú	765	585	+180

Trường	Chỉ tiêu 2026	Chỉ tiêu 2025	Biến động
THCS-THPT Trần Đại Nghĩa	465	285	+180
THPT Trần Hữu Trang	540	360	+180
THPT Nguyễn Khuyến	855	675	+180
THCS-THPT Sương Nguyệt Anh	450	270	+180
THPT Tân Bình	855	675	+180
THPT An Lạc	855	675	+180
THPT Vĩnh Lộc	720	540	+180
THPT Phong Phú	855	675	+180
THPT Bà Điểm	810	630	+180
THPT Phước Long	675	540	+135
THPT Nguyễn Trãi	675	540	+135
THPT Bình Phú	720	585	+135
THPT Nguyễn Tất Thành	855	720	+135
THPT Ngô Quyền	765	630	+135
THPT Tạ Quang Bửu	720	585	+135
THPT Võ Văn Kiệt	720	585	+135
THPT Ngô Gia Tự	765	630	+135
THPT Nguyễn Hiền	595	455	+140
THPT Nguyễn Chí Thanh	810	675	+135
THPT Trần Phú	945	810	+135
THPT Tây Thạnh	1035	900	+135
THPT Phan Đăng Lưu	810	675	+135
THPT Hàn Thuyên	765	630	+135
THPT Bình Hưng Hòa	855	720	+135
THPT Bình Tân	855	720	+135

Trường	Chỉ tiêu 2026	Chỉ tiêu 2025	Biến động
THPT Vĩnh Lộc B	900	765	+135
THPT Tân Thông Hội	720	585	+135
THPT Nguyễn Hữu Cầu	765	630	+135
THPT Phạm Văn Sáng	810	675	+135
THPT Dương Văn Dương	765	630	+135
THPT Bình Trị Đông B	810	675	+135
THPT Phú Nhuận	925	825	+100
THPT Trần Hưng Đạo	990	900	+90
THPT Tân Túc	855	765	+90
THPT Bình Chánh	900	810	+90
THPT Củ Chi	810	720	+90
THPT Phú Hòa	720	630	+90
THPT Trung Phú	765	675	+90
THPT Nguyễn Hữu Tiên	675	585	+90
PTNK TDTT Bình Chánh	600	510	+90
THPT Long Thới	450	360	+90
THPT Thủ Đức	900	810	+90
THPT Hiệp Bình	675	585	+90
Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm	495	405	+90
THPT Nguyễn Thị Minh Khai	845	690	+155
PTNK TDTT Nguyễn Thị Định	535	450	+85
THPT Ten Lơ Man	585	540	+45
THPT Trần Khai Nguyên	720	675	+45
THPT Lương Văn Can	675	630	+45
THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	765	720	+45

Trường	Chỉ tiêu 2026	Chỉ tiêu 2025	Biến động
THPT Thạnh Lộc	810	765	+45
THPT Nguyễn Thái Bình	720	675	+45
THPT Gò Vấp	675	630	+45
THPT Nguyễn Văn Cừ	675	630	+45
THPT An Nghĩa	360	315	+45
THPT Bình Khánh	405	360	+45
THPT Long Trường	720	675	+45
THPT Lê Quý Đôn	560	525	+35
THPT Lê Trọng Tấn	675	650	+25
THCS & THPT Thạnh An	60	40	+20

2. Khu vực 2 - Bình Dương trước đây

Trường	Chỉ tiêu 2026	Chỉ tiêu 2025	Biến động
THPT Thái Hòa	765	400	+365
THPT Bình Phú	810	516	+294
THCS-THPT Nguyễn Huệ	450	160	+290
THPT Trịnh Hoài Đức	765	490	+275
THCS-THPT Tây Sơn	450	200	+250
THPT Huỳnh Văn Nghệ	675	440	+235
THPT Nguyễn Huệ	900	675	+225
THPT Võ Minh Đức	810	625	+185
THPT Tân Bình	450	270	+180
THPT Nguyễn Thị Minh Khai	855	675	+180
THPT Tây Nam	675	500	+175

Trường	Chỉ tiêu 2026	Chỉ tiêu 2025	Biến động
THPT Lý Thái Tổ	810	645	+165
THPT Bến Cát	810	650	+160
THPT Nguyễn Khuyến	765	621	+144
THPT An Mỹ	810	675	+135
THPT Vũng Tàu	855	720	+135
THPT Phước Vĩnh	630	520	+110
THPT Trần Nguyên Hãn	720	621	+99
THPT Nguyễn Đình Chiểu	585	495	+90
THPT Dầu Tiếng	450	360	+90
THCS-THPT Minh Hòa	360	240	+120
THPT Tân Phước Khánh	495	420	+75
THPT chuyên Hùng Vương	455	385	+70
THPT Bình An	470	410	+60
THPT Long Hòa	270	210	+60
THPT Dĩ An	540	480	+60
THPT Nguyễn Trãi	630	585	+45
THPT Đinh Tiên Hoàng	720	675	+45
THPT Phước Hòa	270	240	+30
THPT Lê Lợi	315	290	+25
THPT Thường Tân	240	160	+80
THPT Thanh Tuyền	225	220	+5

3. Khu vực 3 - Bà Rịa - Vũng Tàu trước đây

Trường	Chỉ tiêu 2026	Chỉ tiêu 2025	Biến động
THPT Trần Quang Khải	540	342	+198
THPT Nguyễn Bình Khiêm	585	430	+155

Trường	Chỉ tiêu 2026	Chỉ tiêu 2025	Biến động
THPT Long Hải - Phước Tỉnh	495	342	+153
THPT Minh Đạm	495	342	+153
THPT Phước Bửu	450	300	+150
THPT Bung Riêng	450	300	+150
THPT Xuyên Mộc	450	315	+135
THPT Dương Bạch Mai	450	315	+135
THPT Hòa Bình	450	325	+125
THPT Bà Rịa	540	430	+110
THPT Hòa Hội	405	300	+105
THPT Nguyễn Văn Cừ	405	308	+97
THPT Trần Phú	450	360	+90
THPT Võ Thị Sáu	495	410	+85
THPT Nguyễn Trãi	405	320	+85
THPT Nguyễn Du	405	330	+75
THPT chuyên Lê Quý Đôn	525	455	+70
THPT Ngô Quyền	405	340	+65
THPT Dân tộc nội trú	105	70	+35
THPT Châu Thành	540	495	+45
THPT Hắc Dịch	630	585	+45
THPT Trần Văn Quan	450	410	+40
THPT Võ Thị Sáu - Côn Đảo	185	138	+47